

CÔNG TY TNHH MTV INFILAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV INFILAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INFILAND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INFILAND CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110454567

3. Ngày thành lập: 17/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

DV8-LK252 khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912232922

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ đấu giá	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ đấu giá	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Loại trừ đấu giá	4541
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Trừ đấu giá hàng hóa	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012)	4634

18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 27 Luật Thương mại năm 2005)	8299
31.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
32.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
35.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
38.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản.	6820(Chính)

43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
46.	Quảng cáo Trừ quảng cáo thuốc lá	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
49.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
50.	Bán buôn tổng hợp Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012)	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012)	4724
57.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
58.	In ấn Chi tiết: - In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in bản thạch và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy vi tính, in chạm nổi; - In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm;	1811

59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
60.	Sao chép bản ghi các loại	1820
61.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội	2599
64.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
65.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
66.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
67.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
68.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
69.	Sản xuất đồng hồ	2652
70.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
71.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
72.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
73.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
74.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
75.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
76.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
77.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
78.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
79.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
80.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
81.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
83.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
84.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012)	4781
86.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
87.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
88.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
89.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785

90.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
91.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Trừ đấu giá hàng hóa	4791
92.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ đấu giá hàng hóa	4799
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
94.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
96.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610
97.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
98.	Hoạt động xuất bản khác Chi tiết: - Xuất bản trực tuyến catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu khác; - Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác	5819
99.	Hoạt động truyền hình Chi tiết: Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng của dịch vụ truyền hình; Cung cấp dịch vụ truyền hình qua Internet; Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền	6021
100.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
101.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
102.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
103.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
104.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
105.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
106.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
107.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
108.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
109.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
110.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
111.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
112.	Xây dựng nhà để ở	4101
113.	Xây dựng nhà không để ở	4102
114.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
115.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

116.	Xây dựng công trình điện	4221
117.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
118.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
119.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
120.	Xây dựng công trình thủy	4291
121.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
122.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
123.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
124.	Phá dỡ	4311
125.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
126.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
127.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
128.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
132.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
133.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
134.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
135.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
136.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
137.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc chữa bệnh (Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Dược năm 2016) - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình (Điều 40 Nghị định 98/2021/NĐ-CP)	4772
138.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐÀO DUY TÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036086004826

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 814 Khu nhà ở gia đình cán bộ quân đội dự án 4 – 678, số 50 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 814 Khu nhà ở gia đình cán bộ quân đội dự án 4 – 678, số 50 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO DUY TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036086004826

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 814 Khu nhà ở gia đình cán bộ quân đội dự án 4 – 678, số 50 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 814 Khu nhà ở gia đình cán bộ quân đội dự án 4 – 678, số 50 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội